TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Trần Đông
2. Ông Hoàng Sĩ Thạo

- Thư ký phiên tòa: Ông Quãng Thanh Trung, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đường Thị N, sinh năm 1978, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Lâm Văn T, sinh năm 1979, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đường Thị N trình bày:

Vào năm 1999 chị và chồng tên Lâm Văn T do quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã D, huyện D *(nay là thị xã D)*, tỉnh Trà Vinh năm 1999. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Thị Thanh N, sinh ngày 07/10/1999 và Lâm

Thị Ngọc C, sinh ngày 02/4/2003 đều đã trưởng thành, không có tài sản và nợ chung. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau, anh Thanh thường hay ghen tuông, dù đã được gia đình 02 bên khuyên can nhưng vẫn không có kết quả. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Văn T.

- *Về con chung*: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/10/2021, bị đơn anh Lâm Văn T trình bày:

Thống nhất lời trình của chị N về thời gian kết hôn; về con, tài sản và nợ chung của vợ chồng. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh đôi lần ghen tuông và có nhậu say về rồi cự cãi. Tuy nhiên vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Đường Thị N và bị đơn anh Lâm Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn chị N và anh T giữ nguyên yêu cầu giải quyết về hôn nhân, nuôi con, tài sản và nợ chung.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đường Thị N được ly hôn với anh Lâm Văn T; về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Đường Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất:.

- *Về con chung:* Có 02 con tên Lâm Thị Thanh N, sinh ngày 07/10/1999 và Lâm Thị Ngọc C, sinh ngày 02/4/2003 đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung:* Không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất:

- *Về hôn nhân:* Chị N yêu cầu ly hôn với anh T; anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị N khởi kiện anh T yêu cầu ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung, cấp dưỡng, tài sản và nợ chung. Anh T không có yêu cầu phản tố nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đường Thị N và bị đơn anh Lâm Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đường Thị N:

[3.1] Về hôn nhân: Chị N và anh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D *(nay là thị xã D)*, tỉnh Trà Vinh năm 1999. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị N và anh T đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị N và anh T đều khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau, anh T thường hay ghen tuông.

Xét thấy gia đình là tế bào xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau,

cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa chị N và anh T chưa thống nhất với nhau về quan điểm sống, về ứng xử giao tiếp; đáng lẽ khi mâu thuẫn xảy ra anh chị phải ngồi lại tìm phương án để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn anh chị bỏ mặt không quan tâm đến hạnh phúc mà anh chị đã xây dựng nhiều năm qua, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn lại với nhau, tuy nhiên anh T đều vắng mặt, chị N kiên quyết xin ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên Lâm Thị Thanh N, sinh ngày 07/10/1999 và Lâm Thị Ngọc C, sinh ngày 02/4/2003 đều đã trưởng thành, không có tranh chấp nên không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đường Thị N được ly hôn với anh Lâm Văn T.

2. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, không có tranh chấp nên không xem xét.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Đường Thị N phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng chị N đã nộp theo biên lai số 0006782 ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Yên